| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**TỈNH QUẢNG TRỊ** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc Lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 11/2018/DSPT
Ngày: 18 - 10 - 2018
V/v tranh chấp quyền sử dụng đất.

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ**

- ***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***
*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Hà;
*Các Thẩm phán:* Ông Nguyễn Đức Tân;
Bà Nguyễn Thị Oanh.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Trần Trung Thành – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Trị:*** Ông Đỗ Hoàng Sâm - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 18 tháng 10 năm 2018, tại Hội trường Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị xét xử phúc thẩm công K vụ án dân sự thụ lý số 11/2018/TLPT-DS ngày 07 tháng 8 năm 2018 về "tranh chấp quyền sử dụng đất".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 03/2018/DSST ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Cam Lộ bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 10/2018/QĐPT-DS ngày 27 tháng 8 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Trần Đình P
Địa chỉ: Khu phố N, thị trấn C, huyện C, tỉnh Quảng Trị; có mặt.

2. Bị đơn**:** Ông Nguyễn Đức H, bà Nguyễn Thị H
Cùng địa chỉ: Khu phố N, thị trấn C, huyện C, tỉnh Quảng Trị; vắng mặt.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn Ông Nguyễn Đức H, bà Nguyễn Thị H: Luật sư Nguyễn Văn N – Văn phòng Luật sư T; địa chỉ: Số 117B đường H, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 18/9/2018); có mặt.

3. Người làm chứng:
+ Ông Hoàng Công T, bà Mai Thị T
Địa chỉ: Khu phố M, phường Đ, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị; vắng mặt.
+ Ông Văn T, bà Nguyễn Thị Quỳnh P
Địa chỉ: Khu phố N, phường Đ, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị; vắng mặt.
+ Ông Trần Đình H
Địa chỉ: Khu phố N, thị trấn C, huyện C, tỉnh Quảng Trị; có mặt.
+ Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1989.

Địa chỉ: Khu phố N, thị trấn C, huyện C, tỉnh Quảng Trị; vắng mặt.

+ Chị Nguyễn Thị Q, sinh năm 1992.

Địa chỉ: Khu phố N, thị trấn C, huyện C, tỉnh Quảng Trị; vắng mặt.

+ Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1996.

Địa chỉ: Khu phố N, thị trấn C, huyện C, tỉnh Quảng Trị; vắng mặt.

Người kháng cáo: Ông Nguyễn Đức H, bà Nguyễn Thị H là bị đơn trong vụ án.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo đơn khởi kiện ngày 20/8/2017, đơn khởi kiện sửa đổi bổ sung ngày 09/10/2017; các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nguyên đơn ông Trần Đình P trình bày:*

Bố mẹ ông Trần Đình P là ông Trần Đình H và bà Nguyễn Thị Q có tặng cho ông Trần Đình P một ngôi nhà cấp 4 và quyền sử dụng đất với diện tích 1.387 $m^2$, đất đã được Ủy ban nhân dân huyện Cam Lộ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số X 542794 ngày 07/7/2003. Năm 2005, bố mẹ Trần Đình P chuyển nhượng một phần thửa đất cho ông Nguyễn Văn T, sau đó ông Nguyễn Văn T chuyển nhượng lại cho vợ chồng ông Hoàng Công T và bà Mai Thị T. Ngày 20/8/2015, ông Hoàng Công T và bà Mai Thị T đã chuyển nhượng toàn bộ thửa đất trên cho ông Nguyễn Đức H và bà Mai Thị H.

Tháng 12/2016, gia đình ông Nguyễn Đức H và bà Mai Thị H đã xây dựng nhà, quá trình xây dựng đã lấn chiếm một phần thửa đất của gia đình ông Trần Đình P như sau: Phía Nam lấn 0,5m; phía Tây lấn phía trước 0,79m, phía sau 0,4m. Diện tích bị lấn chiếm khoảng 13,8$m^2$. Khi ông H, bà H xây dựng nhà thì ông Trần Đình P đã có ý kiến về việc xây dựng lấn chiếm này, nhưng vợ chồng ông H, bà H vẫn tiếp tục xây dựng nhà.

Vì vậy, nguyên đơn ông Trần Đình P yêu cầu Tòa án xử buộc vợ chồng Ông Nguyễn Đức H, bà Nguyễn Thị H trả lại phần đất lấn chiếm với diện tích là 13,8 $m^2$ và tháo dỡ công trình xây dựng trên diện tích đất lấn chiếm. Trường hợp ông Nguyễn Đức H và bà Nguyễn Thị H không trả lại đất thì buộc ông H, bà H bồi thường lại diện tích đất được tính theo giá thị trường cho Ông Trần Đình P.

Tại bản trình bày ý kiến ngày 23/10/2017 và quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Nguyễn Đức H và bà Nguyễn Thị H trình bày:

Diện tích đất hiện tại của ông Nguyễn Đức H và bà Nguyễn Thị H gồm có hai thửa đất, cụ thể: Thửa thứ nhất vợ chồng ông H nhận chuyển nhượng từ ông Trần Đình Ph (bố ruột của ông Trần Đình P) vào năm 2000. Khi nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất, hai bên đã đo thực địa và tiến hành đóng cọc xác định mốc ranh giới giữa các thửa đất là hàng rào bông cảnh (không có cơ sở chính xác để làm mốc giới và không có địa chính về đo đạc). Quá trình sử dụng đất, vợ chồng ông H xây dựng hàng rào ngăn cách làm ranh giới, nhưng gia đình Trần Đình P vẫn không có ý kiến gì. Sau nhiều lần gia đình ông H xây dựng đều có sự chứng kiến của ông Trần Đình Ph và ông Trần Đình Ph cũng không có ý kiến gì về phần đất bị lấn chiếm. Đến năm 2016, gia đình ông H xây dựng thêm phần nhà phía sau và nằm trong phần diện

tích đất đã xây dựng trước đó. Khi làm móng cũng có sự chứng kiến của gia đình Trần Đình P và nhiều người khác, nhưng gia đình Trần Đình P cũng không có ý kiến gì về việc xây dựng này. Thửa đất thứ hai nằm liền kề thửa đất thứ nhất mà ông H, bà H nhận chuyển nhượng từ năm 2015 của vợ chồng ông Hoàng Công T và bà Mai Thị T, trên phần đất nhận chuyển nhượng có xây phần móng sẵn, sau đó gia đình ông H chỉ xây dựng nhà trên phần móng có sẵn đó. Nên không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 03/2018/DSST ngày 15/5/2018 của Tòa án nhân dân huyện Cam Lộ đã áp dụng khoản 2 Điều 160, Điều 174, Điều 175 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 227, Điều 264 và Điều 266 của BLTTDS năm 2015, xử:

Buộc ông Nguyễn Đức H và bà Nguyễn Thị H bồi thường cho ông Trần Đình P số tiền 86.318.000 đồng tiền giá trị quyền sử dụng đất bị lấn chiếm.

Ông Nguyễn Đức H, bà Nguyễn Thị H được quyền sử dụng đất theo ranh giới hiện trạng sử dụng đất như sau:

Cạnh phía Bắc giáp đường 02/4 có chiều dài 13,81m, được đo từ điểm giao giữa lộ giới đường 02/4 với mép tường phía Tây Bắc gian nhà phụ của ông H, bà H giáp đất của Trần Đình P đến điểm giao giữa lộ giới đường 02/4 với mép tường phía Đông Bắc gian nhà chính của ông H, bà H phần tiếp giáp đất ông K, bà Th.

Cạnh phía Tây giáp đất Trần Đình P có chiều dài 23,37m, được đo từ điểm giao giữa lộ giới đường 02/4 với mép tường phía Tây Bắc gian nhà phụ của ông H, bà H giáp đất Trần Đình P đến mép tường phía Tây Nam gian nhà phụ của của ông H, bà H cộng với khoảng cách từ mép tường phía Tây Nam gian nhà phụ của ông H, bà H đến cột trụ phía Tây Nam gian nhà phụ của ông H, bà H giáp đất ông Trần Đình P.

Cạnh phía Nam giáp đất Trần Đình P có chiều dài 13,26m, được đo từ cột trụ phía Tây Nam gian nhà phụ của ông H, bà H giáp đất Trần Đình P đến cột trụ phía Đông Nam gian nhà phụ của ông H, bà H, cộng với khoảng cách từ mép tường phía Tây Nam gian nhà chính của ông H, bà H đến mép tường phía Đông Nam gian nhà chính của ông H, bà H.

Cạnh phía Đông phần tiếp giáp đất ông K, bà Th có chiều dài là 23,6m, được đo từ điểm giao giữa lộ giới đường 02/4 với mép tường phía Đông Bắc gian nhà chính của ông H, bà H phần giáp đất ông K, bà Th đến mép tường phía Đông Nam gian nhà chính của ông H, bà H.

Ông Trần Đình P có quyền sử dụng đất với ranh giới, diện tích còn lại trên cơ sở Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã được cấp, sau khi trừ đi phần diện tích đất đã công nhận cho ông H, bà H.

Các bên đương sự có quyền và nghĩa vụ đề nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp đổi lại GCNQSD đất theo diện tích, ranh giới, mốc giới nêu trên theo quy định của pháp luật về đất đai.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về quyền yêu cầu thi hành án, về án phí, về chi phí tố tụng và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 29/5/2018 bị đơn Ông Nguyễn Đức H, bà Nguyễn Thị H kháng cáo toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm số 03/2018/DSST ngày 15/5/2018 của Tòa án nhân dân huyện Cam Lộ với các lý do sau:

Tòa án cấp sơ thẩm buộc bị đơn có nghĩa vụ bồi thường cho nguyên đơn số tiền 86.316.000 đồng là không đúng, vì theo quy định của pháp luật thì người có lỗi mới phải bồi thường, trong khi đó bị đơn nhận chuyển nhượng đất thì đã có hiện trạng cũ, sau đó xây dựng nhà trên nền móng có sẵn và hoàn toàn không lấn chiếm đất của nguyên đơn.

Việc xây dựng các tài sản trên đất theo hiện trạng sử dụng này là do tất cả các thành viên trong gia đình cùng đóng góp xây dựng. Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm chỉ đưa hai vợ chồng là Ông Nguyễn Đức H, bà Nguyễn Thị H vào tham gia tố tụng với tư cách là bị đơn mà không đưa các con của ông H vào tham gia tố tụng là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng.

Quá trình xem xét, thẩm định tại chỗ, Tòa án cấp sơ thẩm chỉ xác định hiện trạng sử dụng đất của bị đơn mà không xem xét việc đo đạc phần đất của nguyên đơn để xem hiện trạng thực tế sử dụng như thế nào là thiếu khách quan trong việc giải quyết vụ án.

Vì vậy, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét hủy toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm số 03/2018/DSST ngày 15/5/2018 của Tòa án nhân dân huyện Cam Lộ để giải quyết lại vụ án theo đúng quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Trị phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án dân sự ở giai đoạn phúc thẩm:

Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử tại phiên tòa, Thẩm phán chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định của BLTTDS. Các đương sự tham gia phiên tòa đảm bảo đúng thủ tục, quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Trị đề nghị HĐXX phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm và công nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Tại phiên tòa phúc thẩm, các bên đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án như sau:

Bị đơn Ông Nguyễn Đức H, bà Nguyễn Thị H thỏa thuận có nghĩa vụ bồi thường cho ông Trần Đình P số tiền 70.000.000 đồng tiền giá trị quyền sử dụng đất đã lấn chiếm của ông Trần Đình P (Cạnh phía Tây Bắc phần đất tiếp giáp đường 02/4 ông H, bà H đã sử dụng vượt quá so với diện tích đất được cấp là 0,81m, cạnh phía Tây Nam phần tiếp giáp đất với Trần Đình P sử dụng vượt quá 0,33m, tổng diện tích đất ông H, bà H sử dụng vượt quá so với diện tích đất được cấp về phía Tây là 13 $m^2$; cạnh phía Đông Nam phần tiếp giáp với đất ông K, ông H, bà H sử dụng vượt quá 0,6m, có tổng diện tích là 2,3$m^2$. Tổng diện tích đất lấn chiếm là 15,3 $m^2$).

Ông Nguyễn Đức H, bà Nguyễn Thị H được quyền sử dụng đất theo ranh giới hiện trạng sử dụng đất như sau:

Cạnh phía Bắc giáp đường 02/4 có chiều dài 13,81m, được đo từ điểm giao giữa lộ giới đường 02/4 với mép tường phía Tây Bắc gian nhà phụ của ông H, bà H giáp đất của Trần Đình P đến điểm giao giữa lộ giới đường 02/4 với mép tường phía Đông Bắc gian nhà chính của ông H, bà H phần tiếp giáp đất ông K, bà Th.

Cạnh phía Tây giáp đất Trần Đình P có chiều dài 23,37m, được đo từ điểm giao giữa lộ giới đường 02/4 với mép tường phía Tây Bắc gian nhà phụ của ông H, bà H giáp đất Trần Đình P đến mép tường phía Tây Nam gian nhà phụ của của ông H, bà H; cộng với khoảng cách từ mép tường phía Tây Nam gian nhà phụ của ông H, bà H đến cột trụ phía Tây Nam gian nhà phụ của ông H, bà H giáp đất Trần Đình P.

Cạnh phía Nam giáp đất Trần Đình P có chiều dài 13,26m, được đo từ cột trụ phía Tây Nam gian nhà phụ của ông H, bà H giáp đất Trần Đình P đến cột trụ phía Đông Nam gian nhà phụ của ông H, bà H, cộng với khoảng cách từ mép tường phía Tây Nam gian nhà chính của ông H, bà H đến mép tường phía Đông Nam gian nhà chính của ông H, bà H.

Cạnh phía Đông phần tiếp giáp đất ông K, bà Th có chiều dài là 23,6m, được đo từ điểm giao giữa lộ giới đường 02/4 với mép tường phía Đông Bắc gian nhà chính của ông H, bà H phần giáp đất ông K, bà Th đến mép tường phía Đông Nam gian nhà chính của ông H, bà H.

Ông Trần Đình P có quyền sử dụng đất với ranh giới, diện tích còn lại trên cơ sở Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã được cấp, sau khi trừ đi phần diện tích đất đã công nhận cho ông H, bà H.

Các bên đương sự có quyền đề nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp đổi lại GCNQSD đất theo diện tích, ranh giới, mốc giới nêu trên theo quy định của pháp luật về đất đai.

[2]. Theo Biên bản thỏa thuận ngày 04/10/2018, bị đơn thỏa thuận làm hệ thống thoát nước để nước của nhà ông H, bà H không chảy qua nhà Trần Đình P. Đến ngày 18/10/2018 thì bị đơn mới làm được một phần hệ thống thoát nước, phần còn lại bị đơn thỏa thuận sẽ tiếp tục làm từ ngày 18/10/2018 đến ngày 30/10/2018 sẽ hoàn thành xong hệ thống thoát nước tại ngôi nhà phụ (nhà cấp 4 có chiều dài 22,35 m, chiều rộng 6,29 m) phần tiếp giáp đất Ông Trần Đình P.

[3]. Về án phí và chi phí tố tụng: Các bên đương sự thỏa thuận bị đơn Ông Nguyễn Đức H, bà Nguyễn Thị H phải chịu 3.500.000 đồng án phí DSST và ông H, bà H không phải chịu án phí DSPT.

Nghĩa vụ chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản: Quá trình giải quyết vụ án ở giai đoan sơ thẩm, Tòa án đã chi phí vào việc xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản hai lần với số tiền chi phí 4.500.000 đồng, số tiền này Trần Đình P đã nộp nên người đại diện theo ủy quyền của bị đơn đồng ý trả lại cho Trần Đình P số tiền 4.500.000 đồng.

[4]. Thấy rằng: Sự thỏa thuận này của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật và không trái đạo đức xã hội.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH:

**1.** Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 101, Điều 104, khoản 2 Điều 148 và Điều 300 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 160, Điều 174, Điều 175 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 26, khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016; sửa bản án sơ thẩm.

Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự tại phiên tòa phúc thẩm như sau:

Bị đơn Ông Nguyễn Đức H, bà Nguyễn Thị H có nghĩa vụ bồi thường cho ông Trần Đình P số tiền 70.000.000 đồng (bảy mươi triệu đồng) tiền giá trị quyền sử dụng đất do lấn chiếm đất của ông Trần Đình P (Cạnh phía Tây Bắc phần đất tiếp giáp đường 02/4 ông H, bà H đã sử dụng vượt quá so với diện tích đất được cấp là 0,81m, cạnh phía Tây Nam phần tiếp giáp đất với Trần Đình P sử dụng vượt quá 0,33m, tổng diện tích đất ông H, bà H sử dụng vượt quá so với diện tích đất được cấp về phía Tây là 13 $m^2$; cạnh phía Đông Nam phần tiếp giáp với đất ông K, ông H, bà H sử dụng vượt quá 0,6m, có tổng diện tích là 2,3$m^2$. Tổng diện tích đất lấn chiếm là 15,3 $m^2$).

Ông Nguyễn Đức H, bà Nguyễn Thị H được quyền sử dụng đất theo ranh giới hiện trạng sử dụng đất như sau:

Cạnh phía Bắc giáp đường 02/4 có chiều dài 13,81m, được đo từ điểm giao giữa lộ giới đường 02/4 với mép tường phía Tây Bắc gian nhà phụ của ông H, bà H giáp đất của Trần Đình P đến điểm giao giữa lộ giới đường 02/4 với mép tường phía Đông Bắc gian nhà chính của ông H, bà H phần tiếp giáp đất ông K, bà Th.

Cạnh phía Tây giáp đất Trần Đình P có chiều dài 23,37m, được đo từ điểm giao giữa lộ giới đường 02/4 với mép tường phía Tây Bắc gian nhà phụ của ông H, bà H giáp đất Trần Đình P đến mép tường phía Tây Nam gian nhà phụ của của ông H, bà H; cộng với khoảng cách từ mép tường phía Tây Nam gian nhà phụ của ông H, bà H đến cột trụ phía Tây Nam gian nhà phụ của ông H, bà H giáp đất Trần Đình P.

Cạnh phía Nam giáp đất Trần Đình P có chiều dài 13,26m, được đo từ cột trụ phía Tây Nam gian nhà phụ của ông H, bà H giáp đất Trần Đình P đến cột trụ phía Đông Nam gian nhà phụ của ông H, bà H, cộng với khoảng cách từ mép tường phía Tây Nam gian nhà chính của ông H, bà H đến mép tường phía Đông Nam gian nhà chính của ông H, bà H.

Cạnh phía Đông phần tiếp giáp đất ông K, bà Th có chiều dài là 23,6m, được đo từ điểm giao giữa lộ giới đường 02/4 với mép tường phía Đông Bắc gian nhà chính của ông H, bà H phần giáp đất ông K, bà Th đến mép tường phía Đông Nam gian nhà chính của ông H, bà H.

Ông Trần Đình P có quyền sử dụng đất với ranh giới, diện tích còn lại trên cơ sở Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã được cấp, sau khi trừ đi phần diện tích đất đã công nhận thỏa thuận với ông H, bà H bồi thường bằng giá trị quyền sử dụng đất.

Các bên đương sự có quyền đề nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp đổi lại GCNQSD đất theo diện tích, ranh giới, mốc giới nêu trên theo quy định của pháp luật về đất đai.

Bị đơn Ông Nguyễn Đức H, bà Nguyễn Thị H phải tiếp tục làm thêm phần hệ thống thoát nước tại ngôi nhà phụ (nhà cấp 4 có chiều dài 22,35 m, chiều rộng 6,29 m)

phần tiếp giáp đất ông Trần Đình P, thời gian hoàn thành hệ thống thoát nước này đến ngày 30/10/2018.

2. Về án phí và chi phí tố tụng:

Ông Nguyễn Đức H, bà Nguyễn Thị H chịu 3.500.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm và không phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm; ông H, bà H được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0001589 ngày 21/6/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cam Lộ. Ông H, bà H tiếp tục nộp số tiền 3.200.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Trần Đình P không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho ông Trần Đình P số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.500.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0001457 ngày 09/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cam Lộ, tỉnh Quảng Trị.

Ông Nguyễn Đức H, bà Nguyễn Thị H phải chịu 4.500.000 đồng tiền chi phí xem xét, thẩm định và định giá tài sản; vì vậy, ông H, bà H phải trả lại số tiền chi phí xem xét, thẩm định và định giá tài sản là 4.500.000 đồng cho ông Trần Đình P (do ông Trần Đình P đã tạm nộp tiền chi phí tố tụng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

***Nơi nhận:***
- VKSND tỉnh Q. Trị;
- TAND huyện Cam Lộ;
- Chi cục THADS huyện Cam Lộ;
- Các đương sự;
- Phòng KTNV;
- Tổ HCTP;
- Lưu hồ sơ, VP Tòa.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM**
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

**Nguyễn Thị Hà**